

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## DỰ THẢO

## NGHỊ ĐỊNH

## Quy định về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2026/QH16 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số.

## Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 28/2026/QH16 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam, bao gồm;

a) Rà soát, nhận diện, phân loại, thống kê, phục hồi, bảo tồn, duy trì, trao truyền và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một;

b) Bảo tồn không gian văn hóa truyền thống;

c) Phát triển văn hóa truyền thống gắn với sinh kế bền vững;

d) Chính sách đối với chủ thể văn hóa truyền thống;

đ) Cơ chế tài chính và tổ chức thực hiện.

2. Trường hợp nội dung liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành khác đã được quy định tại pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư, cộng đồng các dân tộc thiểu số tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số.

## Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc thiểu số là yếu tố văn hóa được cộng đồng lưu giữ, thực hành, trao truyền và được cộng đồng thừa nhận là phản ánh bản sắc văn hóa đặc trưng.

2. Văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số là các giá trị văn hóa truyền thống được hình thành trong quá trình lịch sử, được cộng đồng gìn giữ, bảo tồn, trao truyền và phát huy qua nhiều thế hệ, phản ánh bản sắc và đặc trưng riêng của từng dân tộc.

3. Bảo tồn văn hóa là việc duy trì, phục hồi và bảo đảm khả năng trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống.

4. Phát huy giá trị văn hóa là việc khai thác hợp lý và chuyển hóa các giá trị văn hóa truyền thống thành nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống cộng đồng.

5. Phát triển văn hóa là quá trình kế thừa, bổ sung và phát huy các giá trị văn hóa phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn;

6. Chủ thể văn hóa là cộng đồng hoặc cá nhân đang nắm giữ, thực hành và trao truyền giá trị văn hóa truyền thống.

7. Chủ thể văn hóa nòng cốt là cá nhân trong cộng đồng trực tiếp nắm giữ, thực hành và có khả năng trao truyền thực tế để duy trì giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc thiểu số.

8. Chủ thể văn hóa kế cận là cá nhân trong cộng đồng được lựa chọn để học tập, tiếp nhận, thực hành và kế thừa giá trị văn hóa truyền thống từ chủ thể văn hóa nòng cốt hoặc cộng đồng.

9. Chủ thể văn hóa tiềm năng là thế hệ trẻ, trọng tâm là học sinh, sinh viên thuộc cộng đồng các dân tộc thiểu số hoặc đang học tập tại cơ sở giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, có năng khiếu, sở thích và tự nguyện tham gia học tập, thực hành, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

10. Tổ, nhóm cộng đồng là một hình thức liên kết tự nguyện giữa các hộ gia đình, nhóm người dân trong cùng địa bàn cư trú, cùng tham gia thực hiện các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tại cộng đồng.

11. Không gian văn hóa truyền thống là khu vực, địa điểm, cảnh quan, môi trường sinh hoạt cộng đồng hoặc tổng thể yếu tố vật chất, tinh thần gắn với quá trình hình thành, thực hành và duy trì giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số.

12. Mức độ nguy cơ mai một là mức độ suy giảm khả năng duy trì, thực hành, trao truyền hoặc tồn tại của giá trị văn hóa truyền thống trong cộng đồng được đánh giá theo tiêu chí chuyên môn.

13. Bảo tồn khẩn cấp là việc áp dụng biện pháp hỗ trợ ưu tiên, kịp thời đối với giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một nghiêm trọng.

14. Khoán chi là giao quyền tự chủ tài chính cho cơ quan, tổ chức chủ trì, cá nhân trong việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm

quyền giao khoán, gắn với trách nhiệm về các kết quả của nhiệm vụ được giao đúng mục tiêu, yêu cầu; đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.

15. Dự án bảo tồn, phát triển văn hoá truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số là dự án bảo tồn, phát triển văn hoá truyền thống do tổ, nhóm cộng đồng tự xây dựng, quản lý, tổ chức thực hiện.

#### **Điều 4. Nguyên tắc thực hiện**

1. Bảo đảm tôn trọng tính xác thực, toàn vẹn và đặc trưng của giá trị văn hóa truyền thống; ưu tiên bảo vệ giá trị cốt lõi.

2. Lấy cộng đồng các dân tộc thiểu số là chủ thể, trung tâm của hoạt động bảo tồn và phát triển.

3. Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển; bảo đảm tính liên tục và khả năng thích ứng của văn hóa truyền thống trong giai đoạn hiện nay.

4. Ưu tiên phục hồi, bảo tồn đối với các giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một; các dân tộc còn nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù;

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả trong quản lý, sử dụng nguồn lực và tổ chức thực hiện.

6. Hoạt động phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số không được làm sai lệch giá trị cốt lõi, ý nghĩa văn hóa và phương thức thực hành cơ bản của cộng đồng.

7. Việc thu thập, lưu giữ, số hóa, khai thác, chia sẻ dữ liệu văn hóa truyền thống phải tuân thủ quy định của pháp luật, tôn trọng phong tục, tập quán và lợi ích hợp pháp của cộng đồng.

#### **Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số**

1. Bảo đảm nguồn lực từ ngân sách nhà nước trong kế hoạch tài chính, đầu tư công trung hạn và dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công.

2. Ưu tiên thực hiện chính sách phục hồi, bảo tồn đối với các trường hợp sau đây:

- a) Giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một;
- b) Văn hóa truyền thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù;
- c) Địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

3. Thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp đối với chủ thể văn hóa nhằm duy trì hoạt động phục hồi, thực hành, trao truyền và tham gia quảng bá giá trị văn hóa truyền thống.

4. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, khoán chi theo kết quả đối với các hoạt động phục hồi, bảo tồn, duy trì và phát triển văn hóa truyền thống theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- a) Trao truyền, thực hành văn hóa truyền thống;
- b) Phục hồi giá trị văn hóa truyền thống;
- c) Phát triển sản phẩm văn hóa truyền thống, du lịch cộng đồng và sinh kế bền vững;
- d) Các hoạt động khác theo quy định của Nghị định này.

5. Hỗ trợ phục hồi, bảo tồn và phát triển không gian văn hóa truyền thống gắn với hạ tầng và môi trường sinh thái phục vụ đời sống văn hóa cộng đồng; hỗ trợ phục hồi, bảo tồn làng, bản, buôn, phum, sóc văn hóa truyền thống; hỗ trợ tỉnh, thành phố đầu tư xây dựng không gian văn hóa bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống tiêu biểu gắn với phát triển du lịch.

6. Hỗ trợ ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa truyền thống, bao gồm xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa tư liệu và quảng bá văn hóa truyền thống trên nền tảng số.

7. Khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số; bảo đảm việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện chính sách tôn vinh, khen thưởng đối với tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có đóng góp trong phục hồi, bảo tồn, duy trì và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG II**

### **BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ**

#### **Mục 1**

#### **NHẬN DIỆN VÀ PHÂN LOẠI GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG**

##### **Điều 6. Thống kê, đánh giá, phân loại và xác định giá trị văn hóa truyền thống bị mai một**

1. Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm định kỳ hằng năm tổ chức rà soát, thống kê, đánh giá thực trạng các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn; trên cơ sở đó phân loại giá trị văn hóa truyền thống theo các mức độ nguy cơ mai một sau đây:

- a) Mức độ 1 - Nguy cơ mai một nghiêm trọng: Áp dụng đối với các giá trị văn hóa truyền thống không còn hoặc còn rất ít chủ thể văn hóa nắm giữ, thực hành; hoạt động thực hành, trao truyền bị gián đoạn kéo dài; không gian văn hóa bị thu hẹp nghiêm trọng hoặc không còn tồn tại;

b) Mức độ 2 - Nguy cơ cao: Áp dụng đối với các giá trị văn hóa truyền thống có sự suy giảm đáng kể về số lượng chủ thể văn hóa nắm giữ, thực hành; hoạt động thực hành, trao truyền hạn chế; không gian văn hóa bị thu hẹp và có nguy cơ tiếp tục mai một.

2. Tiêu chuẩn xác định giá trị văn hóa truyền thống nguy cơ mai một mức độ 1, bao gồm:

a) Chủ thể văn hóa nắm giữ, thực hành giá trị văn hóa truyền thống không còn hoặc còn rất ít dưới 05 cá nhân; không có chủ thể văn hóa kế cận;

b) Hoạt động thực hành, trao truyền bị gián đoạn: không còn được thực hành thường xuyên trong cộng đồng hoặc đã gián đoạn từ 05 năm liên tục trở lên mà không có hoạt động phục hồi, trao truyền;

c) Từ 70% trở lên không gian văn hóa truyền thống bị thu hẹp hoặc không còn tồn tại;

d) Tri thức dân gian, kỹ năng hoặc hình thức biểu đạt văn hóa truyền thống có nguy cơ thất truyền hoàn toàn: tư liệu, hiện vật, dữ liệu ghi chép không đầy đủ; tri thức lưu giữ phân tán, không bảo đảm khả năng phục hồi, trao truyền giá trị văn hóa gốc;

đ) Cộng đồng không còn khả năng tự duy trì: chỉ còn dưới 20% thành viên cộng đồng liên quan còn nhận biết, tham gia thực hành hoặc có nhu cầu duy trì giá trị văn hóa.

3. Tiêu chuẩn xác định giá trị văn hóa truyền thống nguy cơ mai một mức độ 2, bao gồm:

a) Chủ thể văn hóa nắm giữ, thực hành giá trị văn hóa truyền thống suy giảm: còn từ 05 đến dưới 20 cá nhân, chủ thể văn hóa kế cận hạn chế hoặc không ổn định;

b) Hoạt động thực hành trong cộng đồng ở mức thấp: chỉ được thực hành từ 01 đến dưới 03 lần trong một năm hoặc không duy trì thường xuyên theo tập quán truyền thống; hoạt động trao truyền bị hạn chế: diễn ra không thường xuyên, mang tính tự phát hoặc bị gián đoạn dưới 05 năm liên tục;

c) Tri thức dân gian, kỹ năng, hình thức biểu đạt văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một cao: một phần nội dung, quy trình thực hành hoặc tri thức dân gian liên quan đã bị thất truyền, biến đổi hoặc không còn được lưu giữ đầy đủ.

d) Không gian văn hóa truyền thống bị thu hẹp: chỉ còn từ 30% đến dưới 70% không gian thực hành;

đ) Mức độ tham gia của cộng đồng suy giảm: chỉ còn từ 20% đến dưới 50% thành viên cộng đồng liên quan còn tham gia thực hành hoặc có khả năng duy trì;

4. Trình tự, thủ tục phân loại giá trị văn hóa truyền thống theo mức độ nguy cơ mai một:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng; lập hồ sơ đề nghị phân loại theo quy định tại điểm đ khoản này và gửi cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh;

b) Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh chủ trì rà soát hồ sơ; trường hợp cần thiết tổ chức kiểm tra thực tế; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng đánh giá;

c) Hội đồng gồm: Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao; Phó Chủ tịch Hội đồng: đại diện lãnh đạo cơ quan chuyên môn về dân tộc và tôn giáo cấp tỉnh; các thành viên: đại diện các cơ quan, đơn vị liên quan; nhà khoa học, chuyên gia, nghệ nhân, người am hiểu về văn hóa dân tộc thiểu số và các thành phần khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;

d) Hội đồng có trách nhiệm xem xét hồ sơ, đánh giá mức độ nguy cơ mai một theo tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

đ) Hồ sơ đề nghị phân loại được quy định tại Phụ lục I (từ mẫu số 01 đến mẫu số 04) kèm theo Nghị định này, gồm: Tờ trình; báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng; biên bản họp Hội đồng; tài liệu, hình ảnh, dữ liệu minh chứng liên quan (nếu có).

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất danh mục các giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một trên địa bàn gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất và quyết định phê duyệt danh mục các giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một theo quy định.

7. Định kỳ 03 năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức rà soát, đánh giá lại thực trạng các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn; xác định mức độ nguy cơ mai một theo quy định tại khoản 1 Điều này và lập hồ sơ đề xuất danh mục giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ bị mai một thuộc mức độ 1 và mức độ 2 gửi cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh để tổng hợp, thẩm định theo quy định.

## **Điều 7. Xác định và phân loại mức độ phục hồi, bảo tồn không gian văn hóa truyền thống và làng, bản, buôn, phum, sóc văn hóa truyền thống**

### **1. Đối với không gian văn hóa truyền thống**

a) Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh định kỳ hằng năm tổ chức rà soát, thống kê, đánh giá hiện trạng không gian văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số làm căn cứ phân loại theo các mức độ phục hồi, bảo tồn sau đây:

- a1) Mức độ 1: Phục hồi, bảo tồn giá trị văn hóa gốc;
- a2) Mức độ 2: Bảo tồn, duy trì và phát huy giá trị văn hóa.
- b) Tiêu chuẩn xác định không gian văn hóa truyền thống mức độ 1:
  - b1) Từ 70% trở lên các yếu tố đặc trưng về cảnh quan văn hóa, địa điểm tín ngưỡng, lễ hội, thiết chế văn hóa cộng đồng bị mai một, biến đổi hoặc không còn tồn tại;
  - b2) Hoạt động thực hành văn hóa truyền thống không diễn ra thường xuyên hoặc bị gián đoạn từ 03 năm liên tục trở lên;
  - b3) Các giá trị về tri thức dân gian, lễ hội truyền thống, tín ngưỡng không còn được thực hành trong cộng đồng hoặc chỉ còn duy trì với tần suất dưới 01 lần/năm, mang tính hình thức, không bảo đảm tính kế thừa và trao truyền.
- c) Tiêu chuẩn xác định không gian văn hóa truyền thống mức độ 2:
  - c1) Từ 70% trở lên các yếu tố đặc trưng về cảnh quan văn hóa, địa điểm tín ngưỡng, lễ hội, thiết chế văn hóa cộng đồng còn được duy trì tương đối đầy đủ;
  - c2) Hoạt động thực hành văn hóa truyền thống được duy trì tối thiểu từ 01 đến 03 lần/năm và có tính liên tục trong cộng đồng;
  - c3) Các giá trị về tri thức dân gian, lễ hội truyền thống, tín ngưỡng vẫn được thực hành thường xuyên trong cộng đồng, với tần suất từ 01 lần/năm trở lên, bảo đảm khả năng duy trì, trao truyền và kế thừa;
  - c4) Có tiềm năng phát triển văn hóa gắn với du lịch; tối thiểu 30% cộng đồng liên quan tham gia các hoạt động phục hồi, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

## 2. Đối với làng, bản, buôn, phum, sóc văn hóa truyền thống

- a) Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh định kỳ hằng năm tổ chức rà soát, thống kê, đánh giá hiện trạng làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống làm căn cứ phân loại theo các mức độ phục hồi, bảo tồn sau đây:
  - a1) Mức độ 1: Phục hồi, bảo tồn giá trị văn hóa gốc;
  - a2) Mức độ 2: Bảo tồn, duy trì và phát huy giá trị văn hóa.
  - b) Tiêu chuẩn xác định làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống mức độ 1:
    - b1) Cấu trúc cư trú truyền thống, không gian làng, bản, buôn bị phá vỡ hoặc biến đổi cơ bản, không còn bảo đảm tính đặc trưng về giá trị văn hóa truyền thống;
    - b2) Từ 70% trở lên nhà ở truyền thống, công trình cộng đồng, cảnh quan văn hóa truyền thống bị mai một hoặc mất đi các giá trị văn hóa gốc;
    - b3) Trên 50% số hộ gia đình không còn duy trì nếp sống văn hóa truyền thống;
    - b4) Từ 70% trở lên các nghề thủ công truyền thống, tri thức dân gian, lễ hội, phong tục tập quán không còn được thực hành, duy trì hoặc bị gián đoạn từ 03 năm liên tục trở lên.

c) Tiêu chuẩn xác định làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống mức độ 2:

c1) Cấu trúc cư trú truyền thống, không gian làng, bản, buôn còn duy trì tương đối đầy đủ, bảo đảm các yếu tố đặc trưng cơ bản của giá trị văn hóa truyền thống;

c2) Từ 70% trở lên nhà ở truyền thống, công trình cộng đồng, cảnh quan văn hóa truyền thống còn được bảo tồn, giữ gìn các giá trị văn hóa gốc;

c3) Trên 50% số hộ gia đình sinh sống ổn định và duy trì nếp sống văn hóa truyền thống;

c4) Từ 30% đến dưới 70% nghề thủ công truyền thống, tri thức dân gian, lễ hội, phong tục tập quán vẫn được duy trì, thực hành thường xuyên (tối thiểu 01 lần/năm) và có khả năng khai thác, phát triển thành sinh kế gắn với du lịch;

c5) Có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng, dịch vụ văn hóa phù hợp với yêu cầu bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống.

3. Trình tự, thủ tục xác định và phân loại mức độ phục hồi, bảo tồn không gian văn hóa truyền thống và làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng; lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 4 Điều này và gửi cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh;

b) Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh chủ trì rà soát hồ sơ; trường hợp cần thiết tổ chức kiểm tra, khảo sát thực tế; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng đánh giá;

c) Hội đồng gồm: Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao; Phó Chủ tịch Hội đồng: đại diện lãnh đạo cơ quan chuyên môn về dân tộc và tôn giáo cấp tỉnh; các thành viên: đại diện các cơ quan, đơn vị liên quan; nhà khoa học, chuyên gia, nghệ nhân, người am hiểu về văn hóa dân tộc thiểu số và các thành phần khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;

d) Hội đồng có trách nhiệm xem xét hồ sơ, đánh giá mức độ phục hồi, bảo tồn theo tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; lập biên bản và kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

đ) Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, đề xuất Danh mục gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

4. Hồ sơ đề nghị được quy định tại Phụ lục I (từ mẫu số 05 đến mẫu số 08) kèm theo Nghị định này, gồm: Tờ trình đề nghị phê duyệt; báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng; biên bản họp Hội đồng đánh giá; bản đồ, sơ đồ hoặc tài liệu mô tả phạm vi không gian; phương án phục hồi, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống; tài liệu, hình ảnh và các dữ liệu minh chứng liên quan (nếu có).

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất danh mục không gian văn hóa truyền thống và làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống thuộc diện phục hồi, bảo tồn trên địa bàn gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất và quyết định phê duyệt danh mục không gian văn hóa truyền thống và làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống thuộc diện phục hồi, bảo tồn theo quy định.

7. Định kỳ 03 năm đối với phục hồi, bảo tồn không gian văn hóa truyền thống và định kỳ 05 năm đối với bảo tồn làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, đánh giá lại hiện trạng trên địa bàn; xác định mức độ phục hồi, bảo tồn theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và lập hồ sơ đề xuất danh mục đối với các trường hợp phục hồi, bảo tồn không gian văn hóa truyền thống và làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống thuộc mức độ 1 và mức độ 2 gửi cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh để tổng hợp, thẩm định theo quy định.

### **Điều 8. Xác định và công nhận chủ thể văn hóa nòng cốt**

1. Cá nhân được công nhận là chủ thể văn hóa nòng cốt khi đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thời gian trực tiếp nắm giữ, thực hành, trao truyền và duy trì giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số từ 05 năm liên tục trở lên tính đến thời điểm đề nghị xét công nhận;

b) Nắm vững tri thức, kỹ năng, quy trình thực hành giá trị văn hóa truyền thống; có khả năng trao truyền cho thế hệ kế cận;

c) Trong thời gian 03 năm gần nhất, tham gia tối thiểu 02 hoạt động/năm liên quan đến phục hồi, bảo tồn, thực hành, trao truyền giá trị văn hóa truyền thống;

d) Được cộng đồng nơi cư trú đề cử thông qua cuộc họp;

đ) Đã trực tiếp trao truyền tối thiểu 01 cá nhân là chủ thể văn hoá kế cận;

e) Có cam kết tiếp tục thực hành, trao truyền và tham gia các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống theo kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Trình tự, thủ tục xét công nhận chủ thể văn hoá nòng cốt

a) Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì rà soát, lựa chọn cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này; tổ chức họp cộng đồng và lập hồ sơ đề nghị công nhận chủ thể văn hóa nòng cốt gửi cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.

b) Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ theo quy định tại điểm d khoản này; trường hợp cần thiết tổ chức kiểm

tra, xác minh thực tế; tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh hoàn thành việc thẩm định và trình cấp có thẩm quyền quyết định.

d) Hồ sơ đề nghị gồm: Văn bản đề nghị công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; bản tóm tắt quá trình nắm giữ, thực hành, trao truyền, duy trì giá trị văn hóa truyền thống của cá nhân được quy định tại Phụ lục I (Mẫu số 09) kèm theo Nghị định này; tài liệu chứng minh năng lực thực hành, trao truyền; tài liệu, hình ảnh, dữ liệu tư liệu hóa và các minh chứng khác (nếu có).

3. Hằng năm, căn cứ danh sách chủ thể văn hóa nông cốt đã được công nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xây dựng kế hoạch giao nhiệm vụ, hỗ trợ và tạo điều kiện để chủ thể văn hóa nông cốt tham gia hoạt động phục hồi, bảo tồn, trao truyền và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tại địa phương.

4. Định kỳ 03 năm, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, đánh giá mức độ tham gia của chủ thể văn hóa nông cốt đã được công nhận, đưa ra khỏi danh sách những trường hợp không đáp ứng tiêu chuẩn tại khoản 1 của Điều này; lập danh sách đề xuất công nhận chủ thể văn hóa nông cốt đối với cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn tại khoản 1 của Điều này.

### **Điều 9. Xác định chủ thể văn hóa kế cận**

1. Cá nhân được xác định là chủ thể văn hóa kế cận khi đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a) Thuộc cộng đồng đang nắm giữ giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, có hiểu biết về phong tục, tập quán, tri thức, hình thức thực hành văn hóa truyền thống liên quan; có nguyện vọng và tự nguyện tham gia thực hành và trao truyền giá trị văn hóa truyền thống;

b) Được chủ thể văn hóa nông cốt giới thiệu; được cộng đồng nơi cư trú đề cử đề cử thông qua cuộc họp;

c) Tham gia tối thiểu 80% thời gian của chương trình trao truyền và thực hành theo kế hoạch được phê duyệt;

d) Kết thúc chương trình trao truyền, chủ thể văn hóa kế cận phải có khả năng thực hiện độc lập và tham gia trực tiếp các hoạt động trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống;

đ) Có cam kết tiếp tục thực hành và trao truyền giá trị văn hóa truyền thống, tham gia hoạt động phục hồi, bảo tồn và trao truyền tại địa phương trong thời gian tối thiểu 03 năm sau khi hoàn thành chương trình.

### **2. Trình tự, thủ tục xác định chủ thể văn hóa kế cận**

a) Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì rà soát, lựa chọn cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này; tổ chức họp cộng đồng và chủ thể văn hóa

nòng cốt; lập hồ sơ đề nghị công nhận chủ thể văn hóa kế cận gửi cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.

b) Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; trường hợp cần thiết tổ chức kiểm tra, xác minh thực tế; tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh hoàn thành việc thẩm định và trình cấp có thẩm quyền quyết định.

d) Hồ sơ đề nghị gồm: Văn bản đề nghị công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; bản tóm tắt quá trình nắm giữ, thực hành, trao truyền, duy trì giá trị văn hóa truyền thống của cá nhân được quy định tại Phụ lục I (Mẫu số 09) kèm theo Nghị định này; tài liệu chứng minh năng lực thực hành, trao truyền; tài liệu, hình ảnh, dữ liệu tư liệu hóa và các minh chứng khác (nếu có).

3. Hằng năm, căn cứ danh sách chủ thể văn hóa kế cận đã được công nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xây dựng kế hoạch giao nhiệm vụ, hỗ trợ và tạo điều kiện để chủ thể văn hóa kế cận tham gia hoạt động phục hồi, bảo tồn, trao truyền và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tại địa phương.

4. Định kỳ 03 năm, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, đánh giá mức độ tham gia của các chủ thể văn hóa kế cận đã được công nhận; đưa ra khỏi danh sách những trường hợp không còn đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này. Lập danh sách đề xuất công nhận mới đối với cá nhân chủ thể văn hóa đáp ứng tiêu chuẩn chủ thể văn hóa kế cận; đồng thời lập danh sách đề xuất công nhận chủ thể văn hóa nòng cốt đối với các cá nhân chủ thể văn hóa kế cận đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định này.

## **Điều 10. Xác định và khuyến khích chủ thể văn hóa tiềm năng**

### **1. Tiêu chí nhận diện**

a) Có nguyện vọng và tự nguyện tìm hiểu, tham gia các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống;

b) Tích cực tham gia các hoạt động giáo dục, trải nghiệm văn hóa truyền thống trong nhà trường, câu lạc bộ hoặc tại cộng đồng;

c) Được chủ thể văn hóa nòng cốt hoặc chủ thể văn hóa kế cận trực tiếp trao truyền giá trị văn hóa truyền thống.

### **2. Chính sách khuyến khích**

a) Nhà nước hỗ trợ cơ sở giáo dục tổ chức hoạt động giáo dục, tìm hiểu, trải nghiệm văn hóa truyền thống nhằm nâng cao nhận thức, bồi dưỡng ý thức trách nhiệm của học sinh, sinh viên;

b) Tạo điều kiện để chủ thể văn hóa tiềm năng tham gia các hoạt động ngày hội, giao lưu, liên hoan văn hóa nhằm nâng cao kỹ năng và trải nghiệm thực tiễn;

c) Khuyến khích chủ thể văn hóa nông cốt trực tiếp hướng dẫn, trao truyền thông qua các mô hình phù hợp.

### 3. Chính sách ưu tiên

a) Được ưu tiên xem xét lựa chọn vào danh sách chủ thể văn hóa kế cận khi đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này;

b) Được hỗ trợ tiếp cận học liệu, cơ sở dữ liệu số về văn hóa truyền thống phục vụ học tập, nghiên cứu;

c) Được xem xét tuyên dương, khen thưởng đối với trường hợp có thành tích trong thực hành, phát huy và quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống.

## MỤC 2

### PHỤC HỒI, BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

#### **Điều 11. Phục hồi, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một**

1. Căn cứ Danh mục phân loại mức độ nguy cơ mai một các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số được phê duyệt hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện đề án, dự án, kế hoạch phục hồi, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trên địa bàn.

2. Đối với các giá trị văn hóa truyền thống thuộc mức độ 1 quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này, Ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm nguồn lực tài chính để triển khai các biện pháp phục hồi trong thời hạn tối đa 03 năm kể từ ngày được đưa vào danh mục.

3. Đối với các giá trị văn hóa truyền thống thuộc mức độ 2 quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này, Ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm nguồn lực tài chính để triển khai các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch bảo tồn và hoàn thành trong thời hạn tối đa 02 năm kể từ ngày được đưa vào danh mục.

4. Định kỳ 03 năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát, đánh giá kết quả phục hồi, bảo tồn; thống kê, cập nhật hiện trạng các giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một trên địa bàn và đề xuất Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét đưa ra khỏi danh mục các giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một.

5. Đối với các giá trị văn hóa truyền thống đã được đưa ra khỏi danh mục có nguy cơ mai một, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tiếp tục triển khai các hoạt động bảo tồn, duy trì và phát huy giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một tại địa phương.

## **Điều 12. Phục hồi, bảo tồn và phát huy không gian văn hóa truyền thống và làng, bản, buôn, phum, sóc văn hóa truyền thống**

### **1. Phục hồi, bảo tồn và phát huy không gian văn hóa truyền thống**

a) Căn cứ Danh mục và mức độ bảo tồn không gian văn hóa truyền thống được phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, kế hoạch phục hồi, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống phù hợp với từng mức độ phục hồi, bảo tồn.

b) Đối với không gian văn hóa truyền thống mức độ 1: Ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm nguồn lực để triển khai các biện pháp phục hồi giá trị văn hóa gốc trong thời hạn tối đa 03 năm kể từ ngày được đưa vào danh mục.

c) Đối với không gian văn hóa truyền thống mức độ 2: Ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm nguồn lực để triển khai các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch bảo tồn, duy trì và phát huy giá trị văn hóa truyền thống hoàn thành trong thời hạn tối đa 02 năm kể từ ngày được đưa vào danh mục.

d) Định kỳ 03 năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện; cập nhật hiện trạng không gian văn hóa truyền thống trên địa bàn; đề xuất Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét: Đưa ra khỏi danh mục đối với các trường hợp thuộc mức độ 1 đã được phục hồi ổn định.

đ) Đối với các không gian văn hóa truyền thống đã được đưa ra khỏi danh mục, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tiếp tục tổ chức thực hiện các hoạt động bảo tồn, duy trì và phát huy giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững, gắn với phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

### **2. Phục hồi, bảo tồn và phát huy làng, bản, buôn, phum, sóc văn hóa truyền thống**

a) Căn cứ danh mục và mức độ bảo tồn làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống được phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, kế hoạch phục hồi, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống phù hợp với từng mức độ bảo tồn.

b) Đối với làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống mức độ 1: Ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm nguồn lực để triển khai các biện pháp phục hồi giá trị văn hóa gốc trong thời hạn tối đa 05 năm kể từ ngày được đưa vào danh mục.

c) Đối với làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống mức độ 2: Ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm nguồn lực để triển khai các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch bảo tồn, duy trì và phát huy giá trị văn hóa truyền thống hoàn thành trong thời hạn tối đa 04 năm kể từ ngày được đưa vào danh mục.

d) Định kỳ 05 năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện; cập nhật hiện trạng làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống trên địa bàn; đề xuất Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét: Đưa ra khỏi Danh mục đối với các trường hợp thuộc mức độ 1 đã được phục hồi ổn định.

đ) Đối với các làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống đã được đưa ra khỏi Danh mục, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tiếp tục tổ chức thực hiện các hoạt động bảo tồn, duy trì và phát huy giá trị theo hướng bền vững, gắn với phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

### **Điều 13. Phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số**

1. Tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số

a) Các hình thức tổ chức bao gồm: Ngày hội, giao lưu, liên hoan văn hóa các dân tộc thiểu số quy mô khu vực và toàn quốc; Ngày hội văn hóa của từng dân tộc thiểu số quy mô quốc gia; Ngày hội, giao lưu, liên hoan văn hóa các dân tộc thiểu số cấp tỉnh và cấp xã.

b) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì tổ chức các hoạt động quy mô toàn quốc, khu vực và ngày hội văn hóa của từng dân tộc thiểu số quy mô quốc gia;

c) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt đề án tổ chức đối với ngày hội, giao lưu, liên hoan văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số có sự tham gia của từ 02 (hai) đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt kế hoạch tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan văn hóa truyền thống thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Tạo không gian trải nghiệm, giáo dục văn hóa truyền thống trong cơ sở giáo dục

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tiễn của địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện đề án, dự án, kế hoạch tạo không gian trải nghiệm, giáo dục văn hóa truyền thống trong các cơ sở giáo dục tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ưu tiên trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú và trường học nội trú liên cấp;

b) Nhà nước hỗ trợ xây dựng không gian trưng bày, giới thiệu văn hóa truyền thống, tổ chức hoạt động trải nghiệm thực hành văn hóa truyền thống, hướng dẫn thực hành các giá trị văn hóa truyền thống;

c) Khuyến khích chủ thể văn hóa, chủ thể văn hóa nòng cốt, chủ thể văn hóa kế cận, chủ thể văn hóa tiềm năng, cơ sở giáo dục, tổ chức và cá nhân tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm, giáo dục văn hóa truyền thống gắn với hoạt động tham quan, tìm hiểu và quảng bá văn hóa truyền thống địa phương theo quy định của pháp luật.

3. Xây dựng các mô hình trải nghiệm văn hóa truyền thống gắn với du lịch cộng đồng

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tiễn của địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện đề án, dự án, kế hoạch xây dựng các mô hình trải

nghiệm văn hóa truyền thống gắn với du lịch cộng đồng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

b) Nhà nước hỗ trợ xây dựng và phát triển các mô hình trải nghiệm văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng;

c) Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích tổ chức, cá nhân và cộng đồng thành lập, quản lý, vận hành các mô hình tự quản theo quy định của pháp luật.

4. Xây dựng không gian bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

a) Khuyến khích các tỉnh, thành phố căn cứ điều kiện thực tiễn và đặc trưng văn hóa địa phương, đầu tư xây dựng không gian bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống tiêu biểu gắn với phát triển du lịch, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng.

b) Nhà nước hỗ trợ đầu tư, hoàn thiện về hạ tầng; hỗ trợ bảo tồn không gian kiến trúc truyền thống và các hoạt động bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống (dân ca, dân vũ, lễ hội, nghề thủ công truyền thống, tri thức dân gian) kết nối hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng của các dân tộc tại địa phương; hỗ trợ xúc tiến quảng bá du lịch.

c) Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức liên kết với cộng đồng để tạo ra chuỗi cung ứng dịch vụ khép kín về văn hóa, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, quản lý, vận hành thông qua các cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng và hợp tác công tư theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Số hóa các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc thiểu số và chuyển đổi số**

1. Nhà nước tổ chức xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số quốc gia về văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, bảo đảm kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu ngành văn hóa và các cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan. Dữ liệu số phải được chuẩn hóa, phân loại, cập nhật thường xuyên; bảo đảm tính xác thực, đầy đủ, khoa học và phù hợp với đặc trưng văn hóa của từng dân tộc thiểu số.

2. Nhà nước tổ chức triển khai các hoạt động giới thiệu, quảng bá, giáo dục và trải nghiệm văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trên môi trường số, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận, học tập và trải nghiệm cho tổ chức, cá nhân.

3. Hỗ trợ cộng đồng dân tộc thiểu số tham gia sáng tạo nội dung số, trao truyền văn hóa truyền thống và quảng bá bản sắc văn hóa trên nền tảng số.

4. Khuyến khích, hỗ trợ ứng dụng công nghệ số trong hoạt động lưu trữ, số hóa, quản lý, bảo tồn, quảng bá và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

5. Ưu tiên triển khai các chương trình, dự án chuyển đổi số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

**CHƯƠNG III**  
**CƠ CHẾ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG PHỤC HỒI, BẢO TỒN,**  
**PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ**

**MỤC 1.**

**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC XÃ HỘI**

**Điều 15. Nguồn lực tài chính thực hiện phục hồi, bảo tồn, duy trì và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số**

1. Nguồn ngân sách nhà nước
  - a) Ngân sách trung ương đảm bảo kinh phí cho các bộ, cơ quan trung ương và các chương trình, đề án, nhiệm vụ có liên quan đến phục hồi, bảo tồn, duy trì và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật;
  - b) Ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương.
2. Nguồn huy động hợp pháp khác
  - a) Đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;
  - b) Nguồn xã hội hóa từ hoạt động hợp tác công tư, liên kết phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa;
  - c) Nguồn viện trợ, hỗ trợ quốc tế theo quy định của pháp luật;
  - d) Các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
3. Ngân sách nhà nước bố trí để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:
  - a) Khảo sát, thống kê, phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số;
  - b) Tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan, trình diễn và các hoạt động quảng bá văn hóa truyền thống ở địa phương, khu vực và toàn quốc;
  - c) Phục hồi, bảo tồn không gian văn hóa truyền thống, làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống gắn với phát triển du lịch cộng đồng và sinh kế bền vững; hỗ trợ tinh, thành phố đầu tư xây dựng không gian văn hóa bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống tiêu biểu gắn với phát triển du lịch.
  - d) Hoạt động thực hành, trao truyền, duy trì và phát huy vai trò của chủ thể văn hóa nòng cốt, chủ thể văn hóa kế cận, chủ thể văn hóa tiềm năng;
  - đ) Ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyên đổi số trong bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa truyền thống, bao gồm xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa tư liệu và quảng bá văn hóa truyền thống trên nền tảng số

e) Các nhiệm vụ khác phục vụ phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật

**Điều 16. Huy động nguồn lực xã hội cho phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số**

1. Hình thức huy động nguồn lực

a) Đóng góp, tài trợ, viện trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Hợp tác công tư trong đầu tư, khai thác và phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa truyền thống;

c) Liên kết giữa cộng đồng với doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước để phát triển sản phẩm văn hóa truyền thống, du lịch cộng đồng gắn với sinh kế bền vững;

d) Huy động nguồn lực từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình mục tiêu quốc gia;

đ) Các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Chính sách khuyến khích

a) Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, tài trợ hoặc hỗ trợ hoạt động phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế, đầu tư, đất đai, tín dụng và pháp luật có liên quan;

b) Được khuyến khích tham gia phát triển sản phẩm văn hóa truyền thống, du lịch cộng đồng và các mô hình sinh kế gắn với bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống;

c) Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận thông tin, chương trình hỗ trợ và thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

## MỤC 2

### **CHỦ THỂ VĂN HÓA VÀ TỔ, NHÓM CỘNG ĐỒNG THAM GIA PHỤC HỒI, BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ**

**Điều 17. Định mức hỗ trợ cho chủ thể văn hoá và cá nhân tham gia hoạt động phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số**

1. Chủ thể văn hóa nòng cốt tham gia hoạt động phục hồi, thực hành, trao truyền giá trị văn hóa truyền thống được hỗ trợ tối đa không quá 01 lần mức lương tối thiểu tháng theo vùng.

2. Chủ thể văn hóa kế cận tham gia hoạt động phục hồi, thực hành, trao truyền giá trị văn hóa truyền thống được hỗ trợ tối đa không quá 0,5 lần mức lương tối thiểu tháng theo vùng.

3. Thời gian hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

**Điều 18. Chính sách cho tổ, nhóm cộng đồng triển khai dự án phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá truyền thống**

1. Điều kiện hỗ trợ dự án phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá của cộng đồng các dân tộc thiểu số

a) Các dự án triển khai tại địa bàn đã được thống kê, đánh giá, phân loại và xác định giá trị văn hóa truyền thống ưu tiên phục hồi, bảo tồn.

b) Bảo đảm tỷ lệ tham gia: 50% cá nhân thuộc cộng đồng các dân tộc thiểu số, trong đó ưu tiên dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

c) Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực đáp ứng nội dung của dự án từ các tổ, nhóm cộng đồng.

d) Điều kiện đặc thù khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).

2. Mẫu hồ sơ đề xuất dự án phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá của cộng đồng các dân tộc thiểu số được quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ thực hiện dự án phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

4. Quy trình lựa chọn dự án hỗ trợ phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số

a) Thông báo kế hoạch và lập hồ sơ đề xuất dự án

Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá của cộng đồng thông báo kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá của cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, trên trang điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất dự án

Phòng Văn hóa - Xã hội trực thuộc cấp xã được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá của cộng đồng trình Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ đánh giá hồ sơ đề nghị dự án. Tổ đánh giá dự án tự giải thể sau khi cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt lựa chọn dự án. Phòng Văn hóa - Xã hội thực hiện nhiệm vụ giúp việc cho Tổ đánh giá.

Thành phần Tổ đánh giá bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; Tổ phó là Thủ trưởng phòng chuyên môn; thành viên là đại diện phòng chuyên môn có liên quan, chuyên gia hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất (nếu cần).

Tổ đánh giá hồ sơ tiến hành đánh giá, cho ý kiến đối với các hồ sơ đề xuất dự án trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Phương thức hỗ trợ thực hiện phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số

a) Hỗ trợ bằng hiện vật, cung ứng dịch vụ cho tổ, nhóm cộng đồng. Việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ do cơ quan quản lý dự án trực tiếp thực hiện sau đó chuyển giao cho chủ trì tổ, nhóm cộng đồng thực hiện áp dụng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đấu thầu và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền cho tổ, nhóm cộng đồng tự triển khai thực hiện các hoạt động của dự án theo Quyết định phê duyệt dự án của Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Phương thức kết hợp hỗ trợ trực tiếp bằng tiền và hỗ trợ bằng hiện vật, cung ứng dịch vụ.

5. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung, bao gồm:

a) Tập huấn kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực quản lý và vận hành dự án;

b) Thực hành, trao truyền, duy trì và phát huy vai trò của chủ thể văn hóa nòng cốt, chủ thể văn hóa kế cận;

c) Sản xuất sản phẩm văn hóa truyền thống, cung ứng dịch vụ du lịch cộng đồng và sinh kế bền vững;

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm từ nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số.

6. Nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá truyền thống của cộng đồng của cộng đồng theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Mức hỗ trợ cho 01 dự án phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá truyền thống của cộng đồng của cộng đồng: Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

### MỤC 3

## THỰC HIỆN PHỤC HỒI, BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN

## **VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ THEO HÌNH THỨC GIAO NHIỆM VỤ**

### **Điều 19. Chính sách thực hiện phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số theo hình thức giao nhiệm vụ**

1. Điều kiện hỗ trợ hoạt động phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số theo nhiệm vụ được áp dụng một trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan được giao thực hiện hoạt động phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số đã xem xét khả năng áp dụng cơ chế hỗ trợ tại Điều 15, Điều 16 Nghị định này nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư;

b) Thực hiện các dự án hỗ trợ cộng đồng các dân tộc thiểu số đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường hoặc hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế;

c) Thực hiện các dự án hỗ trợ phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống đối với nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và tại địa bàn đặc biệt khó khăn.

d) Thực hiện mô hình thí điểm, ứng dụng công nghệ, phương pháp bảo tồn mới.

2. Các dự án phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số theo nhiệm vụ được hỗ trợ:

a) Phục hồi giá trị văn hóa truyền thống, bao gồm phục hồi nghi lễ, tập quán, trang phục, nghề thủ công truyền thống, nhạc cụ, tri thức dân gian và các giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một;

c) Số hóa tư liệu văn hóa truyền thống, xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống lưu trữ dữ liệu số và bản đồ số về không gian văn hóa truyền thống;

d) Phát triển sản phẩm văn hóa truyền thống, du lịch cộng đồng và các mô hình sinh kế gắn với bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống;

đ) Các nhiệm vụ khác có thể xác định rõ sản phẩm đầu ra phục vụ công tác bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số.

### **3. Cơ chế hỗ trợ**

a) Hỗ trợ hoạt động phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số theo nhiệm vụ là danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

b) Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện 01 dự án tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện dự án trên các địa bàn khác. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng các dân tộc thiểu số tham gia dự án có đóng góp đối ứng bằng tiền, ngày công hoặc hiện vật.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định định mức hỗ trợ cho 01 đối tượng người dân, hộ gia đình tham gia dự án phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của địa phương.

c) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua bên được giao nhiệm vụ, nhận đặt hàng hoặc bên trúng thầu thực hiện hoạt động hỗ trợ phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá truyền thống của cộng đồng và các bên liên quan.

#### 4. Nội dung phê duyệt, quy trình lựa chọn đơn vị thực hiện dự án

a) Nội dung phê duyệt dự án bao gồm: tên dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng được hỗ trợ từ dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết theo từng nhiệm vụ, hoạt động; các nội dung, hoạt động, nhiệm vụ cần đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu theo từng nội dung hoặc tổng thể các nội dung; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị, đạo cụ, nhạc cụ... đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); phương thức quản lý, sử dụng tài sản trong thời gian thực hiện dự án và xử lý tài sản khi kết thúc dự án (nếu có); giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); các nội dung khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

#### b) Quy trình lựa chọn đơn vị thực hiện dự án

Cơ quan quản lý dự án thông báo kế hoạch lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ, lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ thực hiện dự án, đề án mô hình hỗ trợ phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá của cộng đồng theo nhiệm vụ trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan.

Cơ quan quản lý dự án tổ chức lựa chọn, ban hành quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng, bên trúng thầu thực hiện hoạt động hỗ trợ phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá truyền thống của cộng đồng theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

### **Điều 20. Thí điểm áp dụng cơ chế khoán chi kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với hoạt động sáng tạo trong lĩnh vực văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số**

1. Khoán chi theo sản phẩm đầu ra được áp dụng đối với hoạt động sáng tác văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có thể xác định rõ nội dung công việc, sản phẩm đầu ra, số lượng, chất lượng và thời gian hoàn thành;
- b) Có tiêu chí đánh giá, nghiệm thu cụ thể;
- c) Kết quả thực hiện có khả năng đo lường, kiểm chứng;
- d) Phù hợp với tính chất, đặc thù của hoạt động bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống.

## 2. Xác định mức khoán

- a) Mức khoán được xác định trên cơ sở nội dung công việc, sản phẩm đầu ra, định mức kinh tế - kỹ thuật và điều kiện thực tế của địa phương;
- b) Bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và hiệu quả sử dụng kinh phí.

## 5. Xử lý phát sinh trong quá trình thực hiện

- a) Tổ chức, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ hoặc sử dụng kinh phí không đúng quy định phải hoàn trả kinh phí và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật;
- b) Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh hoặc sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ, cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh nội dung, tiến độ hoặc sản phẩm đầu ra;
- c) Trường hợp không thể tiếp tục thực hiện, việc thanh lý nhiệm vụ được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc đã hoàn thành và được nghiệm thu theo quy định.

## **Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm, nhiệm vụ phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số**

1. Nghiệm thu sản phẩm được áp dụng đối với các nhiệm vụ thực hiện theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, khoán chi và các hình thức hỗ trợ khác quy định tại Nghị định này.

### 2. Nguyên tắc nghiệm thu

- a) Căn cứ nội dung nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra đã được phê duyệt trong kế hoạch, hợp đồng hoặc quyết định giao nhiệm vụ;
- b) Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch và có sự tham gia của cộng đồng;
- c) Đánh giá đầy đủ về số lượng, chất lượng, tính xác thực văn hóa và hiệu quả thực tiễn;
- d) Kết quả nghiệm thu là căn cứ để thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

### 3. Tiêu chí nghiệm thu

- a) Mức độ hoàn thành khối lượng công việc và sản phẩm đầu ra;

- b) Chất lượng sản phẩm, nhiệm vụ thực hiện;
- c) Tính xác thực, bảo đảm giá trị cốt lõi và bản sắc văn hóa truyền thống;
- d) Mức độ tham gia, đồng thuận của cộng đồng;
- đ) Hiệu quả duy trì, phát huy giá trị văn hóa truyền thống sau khi kết thúc nhiệm vụ;
- e) Mức độ hoàn thiện hồ sơ, tư liệu hóa và dữ liệu số (nếu có).

#### 4. Hội đồng nghiệm thu

a) Cơ quan giao nhiệm vụ hoặc cơ quan đặt hàng chủ trì tổ chức nghiệm thu;

b) Thành phần Hội đồng: bao gồm 07 hoặc 09 thành viên (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác). Thành phần gồm đại diện cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương, chuyên gia có trình độ chuyên môn phù hợp và đại diện cộng đồng cư dân.

#### 5. Kết quả nghiệm thu

- a) Hoàn thành;
- b) Hoàn thành có điều kiện và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện;
- c) Không hoàn thành.

Trường hợp nhiệm vụ chỉ hoàn thành một phần hoặc không hoàn thành thì việc thanh toán kinh phí được thực hiện theo khối lượng công việc đạt yêu cầu.

6. Hồ sơ nghiệm thu gồm: Văn bản đề nghị; Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ; Biên bản nghiệm thu sản phẩm; Sản phẩm đầu ra và tài liệu minh chứng; Hồ sơ tư liệu hóa, dữ liệu số và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

## CHƯƠNG IV

### TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **Điều 22. Kiểm tra, giám sát và đánh giá sử dụng kinh phí**

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc quản lý, sử dụng kinh phí phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung kiểm tra, giám sát:

- a) Việc phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí;
- b) Mức độ tuân thủ định mức tài chính, quy định chi tiêu và hồ sơ thanh quyết toán;
- c) Mức độ hoàn thành nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra và hiệu quả sử dụng kinh phí.

### 3. Kết quả kiểm tra, giám sát:

- a) Tiếp tục phân bổ, điều chỉnh, tạm dừng hoặc thu hồi kinh phí;
- b) Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng được hỗ trợ;
- c) Xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng kinh phí.

## **Điều 23. Trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương**

### **1. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- a) Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.
- b) Tổ chức kiểm tra, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định; định kỳ tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

### **2. Trách nhiệm của Bộ Dân tộc và Tôn giáo**

- a) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong tổ chức thực hiện chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số.
- b) Phối hợp đề xuất cơ chế ưu tiên đối với dân tộc thiểu số rất ít người và địa bàn đặc biệt khó khăn, lồng ghép nội dung bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số trong chương trình, chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### **3. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

- a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn nội dung chi, mức chi, cơ chế quản lý, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện Nghị định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
- b) Hướng dẫn cơ chế khoán chi theo kết quả thực hiện nhiệm vụ phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số phù hợp đặc thù hoạt động văn hóa cộng đồng, đảm bảo đơn giản hóa thủ tục hành chính phù hợp với trình độ của đồng bào dân tộc thiểu số

### **4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố**

- a) Ban hành cơ chế, kế hoạch, đề án phù hợp điều kiện thực tế; quyết định mức hỗ trợ phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.
- b) Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

## **CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

### **Điều 25. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

#### ***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;  
Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;  
Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP; BTCN, các PCN, Trợ lý Ttg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Lê Minh Hưng**

**PHỤ LỤC I**  
**MẪU HỒ SƠ PHÂN LOẠI THEO ĐIỀU 6, ĐIỀU 7, ĐIỀU 8, ĐIỀU 9**  
*(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày .. tháng.. năm 2026 của Chính phủ)*

Mã số	Mẫu biểu
	<b>Hồ sơ phân loại mức độ nguy cơ mai một (Điều 6)</b>
Mẫu số 01	Tờ trình về việc đề nghị phân loại mức độ nguy cơ mai một của giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trên địa bàn
Mẫu số 02	Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng giá trị văn hóa truyền thống
Mẫu số 03	Biên bản họp Hội đồng đánh giá xác định mức độ nguy cơ mai một
Mẫu số 04	Phương án bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị ...
	<b>Hồ sơ bảo tồn không gian văn hóa và làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống (Điều 7)</b>
Mẫu số 05	Tờ trình về việc phê duyệt Danh mục không gian văn hóa truyền thống (hoặc làng, bản, buôn, phum, sóc dân tộc thiểu số thuộc diện bảo tồn gắn với phát triển du lịch)
Mẫu số 06	Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng không gian văn hóa /làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống
Mẫu số 07	Biên bản họp Hội đồng đánh giá phân loại bảo tồn đối với giá trị văn hóa/không gian văn hóa của dân tộc thiểu số
Mẫu số 08	Phương án bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị (Tên không gian văn hóa/....) Dân tộc: ..... Địa bàn: .....
	<b>Hồ sơ đề nghị công nhận chủ thể văn hóa nòng cốt/chủ thể văn hóa kế cận (Điều 8, Điều 9)</b>
Mẫu số 09	Báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận chủ thể văn hóa nòng cốt/kế cận

**Mẫu số 01:**

CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
**TÊN ĐƠN VỊ TRÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh**

Số: ...../TTTr-.....

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị phân loại mức độ nguy cơ mai một của giá trị  
văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trên địa bàn**

**Kính gửi:** (Tên cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh)

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày .../.../2026 của Chính phủ quy định về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số;

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng các giá trị văn hóa truyền thống trên địa bàn xã/phường/thị trấn..... tính đến ngày .../.../20...;

Ủy ban nhân dân xã/phường... kính trình (Tên cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh) xem xét, thẩm định và phân loại mức độ nguy cơ mai một đối với giá trị văn hóa sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên giá trị văn hóa:.....

(Ghi rõ tên gọi, ví dụ: Nghề dệt thổ cẩm, Lễ hội cầu mưa, Nghệ thuật hát giao duyên...)

2. Dân tộc chủ thể:.....

(Ghi rõ tên dân tộc thiểu số đang nắm giữ, thực hành giá trị)

3. Địa bàn thực hành:.....

(Ghi cụ thể thôn/bản/buôn/phum/sóc, xã, tỉnh/thành phố)

**II. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT VÀ LÝ DO PHÂN LOẠI**

- Căn cứ tiêu chuẩn tại Điều ... Nghị định số .../2026/NĐ-CP, UBND cấp xã đề xuất phân loại giá trị văn hóa nêu trên thuộc:

- Mức độ ... (Mức độ 1 hoặc Mức độ 2)

- Lý do cụ thể:.....

1. Chủ thể văn hóa nắm giữ và thực hành

- Số lượng chủ thể hiện còn: ... người

(Dưới 05 người: Mức độ 1; từ 05 đến dưới 20 người: Mức độ 2)

- Chủ thể kế cận:.....

(Không còn/rất ít/không ổn định/có nhưng hạn chế)

2. Hoạt động thực hành và trao truyền

- Tình trạng thực hành: (Ngừng trên 05 năm: Mức độ 1; thực hành không thường xuyên, 1-3 lần/năm: Mức độ 2)

- Hoạt động trao truyền: (Không còn/tự phát/không thường xuyên/chưa có tổ chức)

3. Không gian văn hóa truyền thống

- Tỷ lệ không gian bị thu hẹp/biến đổi: ...%

(Trên 70%: Mức độ 1; từ 30% đến dưới 70%: Mức độ 2)

- Hiện trạng: (Mô tả ngắn gọn sự thay đổi về địa điểm, kiến trúc, cảnh quan gắn với giá trị)

4. Tri thức dân gian và mức độ tham gia của cộng đồng

- Tri thức dân gian: (Nguy cơ thất truyền hoàn toàn/bị biến đổi một phần/tư liệu hóa hạn chế)

- Mức độ tham gia của cộng đồng: (Tỷ lệ người tham gia thấp/không thường xuyên/giảm mạnh)

### III. KIẾN NGHỊ

Để kịp thời bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc ..., UBND xã/phường/thị trấn ... kính đề nghị:

1. Xem xét, thẩm định và đưa giá trị văn hóa nêu trên vào Danh mục các giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một của địa phương.

2. Đối với Mức độ 1:

(Đề nghị áp dụng các biện pháp bảo tồn khẩn cấp, phục hồi nguyên trạng giá trị văn hóa gốc).

- Đối với Mức độ 2:

(Đề nghị đưa vào kế hoạch bảo tồn, duy trì gắn với phát triển sinh kế bền vững và du lịch cộng đồng).

### IV. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng chi tiết;

2. Biên bản họp cộng đồng hoặc Hội đồng đánh giá;

3. Tài liệu minh chứng (hình ảnh, video, dữ liệu số hóa...).

Kính trình (Tên cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh) xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 02:**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN ĐƠN VỊ TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh

Số: ...../BC-UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO****Rà soát, đánh giá hiện trạng giá trị văn hóa truyền thống****I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên giá trị văn hóa: .....
2. Dân tộc chủ thể: .....
3. Địa bàn (Thôn/Bản): .....
4. Thời điểm rà soát: .....

**II. ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHUẨN QUY ĐỊNH**

## 1. Chủ thể văn hóa nắm giữ và thực hành

- Số lượng chủ thể nắm giữ hiện tại: ..... người.

(ĐỐI CHIẾU: Mức độ 1: dưới 05 người; Mức độ 2: từ 05 đến dưới 20 người)

- Tình trạng chủ thể văn hóa kế cận:

.....

.....

(Đánh giá cụ thể: có/không có; số lượng; tính ổn định)

- Danh sách nghệ nhân/chủ thể tiêu biểu:

.....

.....

## 2. Hoạt động thực hành và trao truyền

Tần suất thực hành: ..... lần/năm.

(Mức độ 2: từ 01 đến dưới 03 lần/năm hoặc không thường xuyên)

Thời gian gián đoạn thực hành: ..... năm.

(Mức độ 1: gián đoạn từ 05 năm trở lên)

Hình thức thực hành:

.....

.....

(Mô tả: Còn giữ đúng bản sắc gốc hay đã bị biến đổi, lai tạp).

## 3. Không gian văn hóa truyền thống

Tỷ lệ không gian văn hóa bị thu hẹp/biến đổi: ..... %.

(Mức độ 1: trên 70%; Mức độ 2: từ 30% đến dưới 70%)

Mô tả hiện trạng không gian:

.....

.....

(Mô tả cụ thể: kiến trúc, địa điểm sinh hoạt văn hóa, cảnh quan liên quan)

4. Tri thức dân gian và hình thức biểu đạt

Mức độ thất truyền, biến đổi:

.....

(Đánh giá: Tri thức lưu giữ phân tán; quy trình kỹ năng đã bị mất một phần hay nguy cơ mất trắng).

Tình trạng tư liệu hóa:

.....

(Có tài liệu lưu trữ hay chủ yếu truyền miệng)

5. Mức độ tham gia và nhu cầu cộng đồng

Tỷ lệ cộng đồng tham gia/nhận biết: ..... %.

(Mức độ 1: dưới 20%; Mức độ 2: từ 20% đến dưới 50%)

Nhu cầu, nguyện vọng của cộng đồng:

.....

**III. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT**

1. Phân loại mức độ nguy cơ mai một:

Đề xuất xếp vào Mức độ .....,.

2. Kiến nghị biện pháp xử lý:

Bảo tồn khẩn cấp, phục hồi giá trị gốc (áp dụng Mức độ 1).

Bảo tồn, duy trì gắn với phát triển sinh kế bền vững (áp dụng Mức độ 2)

**NGƯỜI LẬP BÁO CÁO**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**XÃ/PHƯỜNG...**

**CHỦ TỊCH**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Mẫu số 03**

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CẤP TỈNH**  
(Theo Quyết định số .../QĐ-UBND)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh**

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...*

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ**  
***Về việc xác định mức độ nguy cơ mai một***

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Thời gian: ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm .....
2. Địa điểm: .....
3. Đối tượng đánh giá: (Tên giá trị văn hóa)
4. Dân tộc chủ thể: .....

**II. THÀNH PHẦN THAM DỰ**

1. Chủ tịch Hội đồng: Ông/Bà .....-Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao.
2. Phó Chủ tịch Hội đồng: Ông/Bà ..... - Lãnh đạo cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh.

## 3. Các thành viên Hội đồng:

- Đại diện các sở, ngành liên quan;
- Nhà khoa học, Chuyên gia về văn hóa dân tộc: .....
- Nghệ nhân, người am hiểu văn hóa địa phương: .....

## 4. Thư ký Hội đồng: .....

*Tổng số thành viên có mặt: ..... / ..... thành viên.*

**III. NỘI DUNG THẢO LUẬN VÀ ĐÁNH GIÁ**

1. Đánh giá tính xác thực, toàn vẹn và bản sắc  
Mức độ phản ánh bản sắc văn hóa đặc trưng của dân tộc:

.....  
.....

Mức độ duy trì các giá trị cốt lõi so với hình thức thực hành truyền thống:

.....  
.....

2. Đánh giá theo tiêu chí xác định mức độ nguy cơ mai một  
(Căn cứ Báo cáo rà soát hiện trạng của UBND cấp xã)

**Về chủ thể văn hóa:**

*(Số lượng chủ thể còn lại; tình trạng chủ thể kế cận; nguy cơ đứt gãy truyền dạy)*

.....  
.....

Về hoạt động thực hành và trao truyền:

*(Tần suất thực hành; thời gian gián đoạn; mức độ duy trì trong cộng đồng)*

.....

Về không gian văn hóa:

(Tỷ lệ bị thu hẹp, biến đổi; hiện trạng không gian gắn với giá trị văn hóa)

**Về tri thức dân gian và tư liệu hóa:**

(Nguy cơ thất truyền; mức độ lưu giữ, ghi chép, số hóa)

3. Ý kiến thảo luận của các thành viên

Đánh giá về chủ thể nắm giữ:

(Xác định số lượng chủ thể văn hóa nòng cốt, đặc biệt trường hợp còn từ 01–02 người; đánh giá nguy cơ gián đoạn, đứt gãy trong truyền dạy)

Đánh giá về sức sống của giá trị văn hóa:

(Tần suất thực hành trong đời sống; mức độ tham gia của cộng đồng, nhất là thế hệ kế cận)

Khó khăn trong duy trì, trao truyền:

Tiềm năng bảo tồn, phát huy gắn với sinh kế, du lịch (nếu có):

#### **IV. KẾT QUẢ THỐNG NHẤT**

1. Mức độ phân loại:

Mức độ 1 – Nguy cơ mai một nghiêm trọng

Mức độ 2 – Nguy cơ mai một cao

2. Tỷ lệ đồng thuận: ..... / ..... thành viên (.....%).

#### **V. KIẾN NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG**

1. Đề nghị đưa (Tên giá trị văn hóa) vào Danh mục giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

2. Đề xuất phương án bảo tồn:

Bảo tồn khẩn cấp, phục hồi giá trị gốc (Mức độ 1).

Bảo tồn, duy trì gắn với phát triển sinh kế bền vững (Mức độ 2).

3. Kiến nghị về nguồn lực, cơ chế thực hiện:

Cuộc họp kết thúc vào ..... giờ ..... cùng ngày.

Biên bản đã được các thành viên Hội đồng thông qua./.

**THƯ KÝ HỘI ĐỒNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số 04:**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN ĐƠN VỊ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh

Số: ...../PA.....

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

**PHƯƠNG ÁN**

**Bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị**

**(Tên giá trị văn hóa) Dân tộc: ..... Địa bàn: .....**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN**

- Căn cứ Nghị định số ..../2026/NĐ-CP ngày .../.../2026 của Chính phủ quy định về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số.
- Căn cứ Quyết định phê duyệt Danh mục các giá trị văn hóa có nguy cơ mai một của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng mức độ ..... (Ghi Mức độ 1 hoặc Mức độ 2).

**II. MỤC TIÊU**

1. Mục tiêu tổng quát:  
(Bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị văn hóa trên cơ sở bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn và đặc trưng; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng trong thực hành, trao truyền và hưởng thụ giá trị văn hóa).

.....

.....

2. Mục tiêu cụ thể:

- Đối với Mức độ 1:  
(Khôi phục, bảo tồn khẩn cấp các yếu tố văn hóa gốc, tri thức dân gian và hình thức thực hành có nguy cơ mai một hoặc đã bị gián đoạn).

.....

.....

- Đối với Mức độ 2:

(Bảo tồn, duy trì giá trị văn hóa gắn với xây dựng mô hình trải nghiệm, phát triển du lịch cộng đồng và tạo sinh kế bền vững cho người dân).

.....

.....

**III. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

1. Phục hồi và thực hành văn hóa truyền thống  
Tổ chức truyền dạy giữa chủ thể văn hóa nòng cốt và chủ thể kế cận theo hình thức phù hợp;

.....

.....

Phục dựng, duy trì các nghi lễ, lễ hội, nghề thủ công và các hình thức biểu đạt văn hóa truyền thống;

Hỗ trợ duy trì hoạt động thực hành thường xuyên trong cộng đồng.

2. Số hóa và tư liệu hóa

Tổ chức sưu tầm, ghi âm, ghi hình, hệ thống hóa tư liệu;

Thực hiện số hóa và cập nhật vào cơ sở dữ liệu về văn hóa các dân tộc thiểu số theo quy định.

3. Phát triển hạ tầng và không gian văn hóa

Hỗ trợ tu bổ, phục hồi nhà ở truyền thống, công trình cộng đồng, cảnh quan văn hóa;

Bảo đảm phù hợp với không gian văn hóa gốc và hạn chế tác động làm biến dạng giá trị truyền thống.

4. Quảng bá và phát triển sinh kế (áp dụng đối với Mức độ 2)

Xây dựng sản phẩm văn hóa, du lịch đặc thù;

Liên kết cộng đồng với doanh nghiệp, hợp tác xã trong phát triển dịch vụ;

Tổ chức hoạt động quảng bá, giới thiệu, trình diễn văn hóa trên môi trường thực tế và nền tảng số.

**IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN**

Giai đoạn 1 (Chuẩn bị): Rà soát, hoàn thiện hồ sơ; xây dựng kế hoạch chi tiết; huy động nguồn lực; tổ chức tập huấn.

Giai đoạn 2 (Triển khai): Tổ chức thực hiện các nội dung bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị; kiểm tra, đánh giá định kỳ.

Thời hạn thực hiện:  
 Không quá 03 năm đối với Mức độ 1;  
 Không quá 02 năm đối với Mức độ 2 (đối với không gian văn hóa), kể từ ngày được phê duyệt.

.....

.....

#### **V. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**

Ngân sách nhà nước: Bố trí từ ngân sách trung ương và địa phương theo phân cấp để hỗ trợ thực hiện phương án.

.....

.....

Nguồn xã hội hóa: Huy động từ tổ chức, cá nhân; tăng cường liên kết cộng đồng - doanh nghiệp; khuyến khích hợp tác công tư.

.....

.....

Kinh phí thực hiện: Xây dựng dự toán chi tiết theo quy định hiện hành.

.....

.....

#### **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Cơ quan chủ trì: .....

Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị liên quan; đại diện cộng đồng; nghệ nhân, chủ thể văn hóa.

Cơ chế giám sát: Thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ; đánh giá kết quả theo mục tiêu, bảo đảm tính xác thực và hiệu quả của hoạt động bảo tồn.

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
(CẤP PHÊ DUYỆT)**

**(CHỨC VỤ)**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 05:**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN ĐƠN VỊ TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh

Số: ...../TTTr-.....

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

**TỜ TRÌNH**

*Về việc phê duyệt Danh mục không gian văn hóa truyền thống  
(hoặc làng, bản, buôn, phum, sóc dân tộc thiểu số thuộc diện bảo tồn  
gắn với phát triển du lịch)*

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày .../.../2026 của Chính phủ quy định về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số;

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng và đề xuất của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh và Hội đồng đánh giá cấp tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố... kính trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, phê duyệt Danh mục không gian văn hóa truyền thống/làng, bản, buôn truyền thống thuộc diện bảo tồn trên địa bàn với các nội dung chính như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ ĐỀ XUẤT**

Trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, yêu cầu bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số cần được thực hiện đồng bộ, gắn với phát triển du lịch và sinh kế bền vững, lấy cộng đồng làm trung tâm.

Kết quả rà soát cho thấy trên địa bàn có các không gian văn hóa truyền thống/làng, bản, buôn văn hóa truyền thống còn lưu giữ giá trị đặc trưng, có khả năng khai thác, phát huy phục vụ phát triển du lịch cộng đồng. Việc lập và phê duyệt Danh mục là cơ sở để ưu tiên nguồn lực, triển khai các giải pháp bảo tồn và phát triển phù hợp.

**II. NỘI DUNG DANH MỤC ĐỀ XUẤT**

1. Số lượng đối tượng đề xuất:..... đối tượng.

2. Phân loại:

Nhóm Mức độ 2.... (bảo tồn, duy trì gắn với phát huy giá trị): làng/bản/không gian.

2. Tiêu chí lựa chọn:

Đánh giá theo các tiêu chuẩn lựa chọn

3. Tiềm năng phát triển

Có điều kiện về hạ tầng giao thông, cảnh quan tự nhiên thuận lợi; có sự đồng thuận, cam kết tham gia của cộng đồng dân cư

4. Các địa bàn trọng điểm đề xuất:

- (Tên làng/bản/không gian): đặc trưng văn hóa dân tộc ..., có tiềm năng phát triển sản phẩm du lịch trải nghiệm

.....  
 .....  
 - (Tên làng/bản/không gian): nổi bật về kiến trúc truyền thống, tri thức dân gian (âm thực, dược liệu...).

### III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Việc phê duyệt Danh mục nhằm đạt các mục tiêu sau:

1. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa:

*Gìn giữ không gian văn hóa truyền thống gắn với thực hành, trao truyền các giá trị văn hóa đặc trưng của cộng đồng.*

2. Phát triển du lịch cộng đồng:

*Xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa đặc thù, nâng cao khả năng quảng bá hình ảnh địa phương.*

3. Tạo sinh kế bền vững:

*Hình thành chuỗi liên kết giữa cộng đồng với doanh nghiệp, hợp tác xã; phát triển nghề truyền thống, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân*

4. Làm cơ sở bố trí nguồn lực:

*Thực vụ việc ưu tiên đầu tư hạ tầng thiết yếu, chỉnh trang cảnh quan và hỗ trợ phát triển không gian văn hóa theo quy định.*

### IV. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng từng không gian/làng, bản;

2. Biên bản họp Hội đồng đánh giá cấp tỉnh;

3. Bản đồ, sơ đồ xác định phạm vi không gian đề nghị bảo tồn;

4. Phương án bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị gắn với phát triển du lịch;

5. Tài liệu minh chứng (hình ảnh, video, dữ liệu số hóa có liên quan).

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... kính trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, thẩm định, phê duyệt để địa phương có cơ sở tổ chức triển khai thực hiện theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 06:**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh

Số: ...../BC-UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO**

**Rà soát, đánh giá hiện trạng không gian văn hóa  
/làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Tên làng, bản, buôn, phum, sóc: .....

Dân tộc chủ thể: .....

Tổng số hộ dân tộc thiểu số tại chỗ: ..... hộ/ ..... nhân khẩu.

**II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG**

1. Tỷ lệ các yếu tố đặc trưng còn duy trì:

- Kết quả rà soát: ..... %.

- Mô tả chi tiết:

*(Các yếu tố đặc trưng về nhà ở truyền thống, công trình cộng đồng, cảnh quan văn hóa, địa điểm tín ngưỡng và thiết chế văn hóa cơ bản còn được duy trì phù hợp với giá trị gốc).*

.....  
.....

- Đối chiếu tiêu chuẩn: *(Đáp ứng tiêu chuẩn).*

.....  
.....

2. Đánh giá cấu trúc cư trú và không gian làng, bản, buôn, sóc truyền thống:

- Hiện trạng: .....

.....  
.....

- Đánh giá:

*(Không gian cư trú cơ bản còn giữ được cấu trúc truyền thống, các yếu tố đặc trưng chưa bị phá vỡ; hạn chế sự tác động của kiến trúc, công trình hiện đại không phù hợp).*

.....  
.....

3. Tình trạng duy trì nếp sống và thực hành văn hóa:

Số hộ duy trì nếp sống truyền thống: ..... hộ (..... %).

- Đối chiếu tiêu chuẩn:

.....  
.....

- Hoạt động thực hành lễ hội, tri thức dân gian:

.....  
.....

4. Khả năng phát triển du lịch và sự tham gia của cộng đồng:

Tiềm năng du lịch:

Có điều kiện phát triển du lịch cộng đồng và dịch vụ văn hóa gắn với đặc trưng địa phương.

.....  
.....

Mức độ tham gia của cộng đồng:

.....  
.....

**III. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT**

Căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định .../2026/NĐ-CP, làng/bản ..... đáp ứng đầy đủ các điều kiện để phân loại vào Mức độ 2: Bảo tồn, duy trì và phát huy giá trị văn hóa.

Kính trình cơ quan thẩm quyền xem xét phê duyệt đưa vào Danh mục bảo tồn theo quy định.

**NGƯỜI LẬP BÁO CÁO**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**XÃ/PHƯỜNG...**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 07**

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CẤP TỈNH**  
(Theo Quyết định số .../QĐ-UBND)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh**

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...*

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ**  
**Về việc xác định phân loại bảo tồn đối với không gian văn hóa /Làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống của dân tộc thiểu số**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Thời gian: ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm .....
2. Địa điểm: .....
3. Đối tượng đánh giá: (Tên không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống).
4. Dân tộc chủ thể: .....

**II. THÀNH PHẦN THAM DỰ**

1. Chủ tịch Hội đồng: Ông/Bà .....- Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao.
  2. Phó Chủ tịch Hội đồng: Ông/Bà ..... - Lãnh đạo cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh.
  3. Các thành viên Hội đồng:
    - Đại diện các sở, ngành liên quan;.....
    - Nhà khoa học/Chuyên gia về văn hóa dân tộc: .....
    - Nghệ nhân/Người am hiểu văn hóa địa phương: .....
  4. Thư ký Hội đồng: .....
- Tổng số thành viên có mặt: ..... / ..... thành viên.*

**III. NỘI DUNG THẢO LUẬN VÀ ĐÁNH GIÁ**

1. Đánh giá về tính xác thực, thực trạng và bản sắc không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống
  - Mức độ phản ánh bản sắc văn hóa đặc trưng của dân tộc:  
.....  
.....
  - Mức độ bảo tồn, duy trì các yếu tố cấu thành không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống (kiến trúc, cảnh quan, thiết chế văn hóa, sinh hoạt cộng đồng) so với trạng thái truyền thống:  
.....  
.....
2. Đánh giá theo các tiêu chuẩn phân loại bảo tồn  
(Căn cứ Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng của UBND cấp xã)  
Về cấu trúc không gian và cảnh quan văn hóa:  
(Tỷ lệ các yếu tố đặc trưng còn duy trì; mức độ bị thu hẹp, biến đổi)

Về cư trú và đời sống văn hóa cộng đồng:  
(Tỷ lệ hộ gia đình duy trì nếp sống truyền thống; mức độ gắn kết cộng đồng)

Về thực hành và trao truyền văn hóa:  
(Tần suất tổ chức lễ hội, sinh hoạt văn hóa; khả năng duy trì và truyền dạy)

Về tri thức dân gian và yếu tố phi vật thể:  
(Mức độ bảo tồn, nguy cơ mai một; tình trạng tư liệu hóa)

Về khả năng phát huy giá trị:  
(Tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng, dịch vụ văn hóa; mức độ tham gia, đồng thuận của cộng đồng)

3. Ý kiến thảo luận của các thành viên Hội đồng  
Khó khăn, vướng mắc trong bảo tồn và phát huy không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống:

Đánh giá tiềm năng phát triển gắn với sinh kế và du lịch:

#### **IV. KẾT QUẢ THỐNG NHẤT**

1. Mức độ phân loại:

Mức độ 1 - không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống có nguy cơ mai một nghiêm trọng

Mức độ 2 - không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống cần bảo tồn, duy trì và phát huy giá trị

2. Tỷ lệ đồng thuận: ..... / ..... thành viên (đạt ..... %).

#### **V. KIẾN NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG**

1. Đề nghị đưa (Tên không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống) vào Danh mục không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống thuộc diện bảo tồn trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

2. Đề xuất phương án bảo tồn:

Bảo tồn khẩn cấp, phục hồi giá trị gốc (đối với Mức độ 1).

Bảo tồn, duy trì gắn với phát huy giá trị, phát triển sinh kế và du lịch (đối với Mức độ 2).

3. Kiến nghị về nguồn lực, cơ chế thực hiện:

.....  
.....

Cuộc họp kết thúc vào lúc ..... giờ ..... cùng ngày.

Biên bản được các thành viên Hội đồng thông qua./.

**THƯ KÝ HỘI ĐỒNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 08:**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN ĐƠN VỊ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh

Số: ...../PA.....

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

**PHƯƠNG ÁN**

**Bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị**  
**(Tên không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống)**  
**Dân tộc: ..... Địa bàn: .....**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN**

- Căn cứ Nghị định số ..../2026/NĐ-CP ngày .../.../2026 của Chính phủ quy định về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số.
- Căn cứ Quyết định phê duyệt Danh mục các giá trị văn hóa có nguy cơ mai một hoặc Danh mục không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống thuộc diện bảo tồn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng mức độ ..... (Ghi Mức độ 1 hoặc Mức độ 2).

**II. MỤC TIÊU****1. Mục tiêu tổng quát:**

*(Bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống trên cơ sở bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn và đặc trưng văn hóa; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng, gắn bảo tồn với phát triển bền vững).*

.....

.....

**2. Mục tiêu cụ thể:****- Đối với Mức độ 1:**

*(Khôi phục không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống bị mai một; phục dựng các yếu tố cấu thành (kiến trúc, cảnh quan, thiết chế, sinh hoạt văn hóa); khôi phục hoạt động thực hành và trao truyền tri thức truyền thống).*

.....

.....

**- Đối với Mức độ 2:**

*(Duy trì, củng cố không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống hiện có; phát huy giá trị thông qua mô hình trải nghiệm văn hóa, du lịch cộng đồng; tạo sinh kế bền vững cho người dân).*

.....

.....

**III. NỘI DUNG THỰC HIỆN****1. Phục hồi, duy trì và thực hành văn hóa truyền thống:**

- Tổ chức truyền dạy giữa chủ thể văn hóa nòng cốt và chủ thể kế cận;

.....  
 .....  
 - Phục dựng, duy trì lễ hội, tập quán, nghề truyền thống và các hình thức sinh hoạt văn hóa gắn với không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống.  
 .....

.....  
 .....  
 Khôi phục các yếu tố cấu thành không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống bị mai một (nếu có).  
 .....

### 2. Số hóa và tư liệu hóa:

Thu thập, ghi âm, ghi hình, số hóa dữ liệu về không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống, tri thức dân gian và hoạt động thực hành;  
 .....

.....  
 .....  
 Chuẩn hóa, cập nhật và tích hợp dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu về văn hóa các dân tộc thiểu số:  
 .....

### 3. Bảo tồn, phát triển hạ tầng và không gian:

Phục hồi, bảo tồn nhà ở truyền thống, công trình cộng đồng, cảnh quan văn hóa;  
 .....

.....  
 .....  
 Bảo vệ cấu trúc không gian văn hoá/làng, bản, buôn... văn hoá truyền thống, hạn chế tác động làm biến dạng yếu tố truyền thống;  
 .....

Cải thiện hạ tầng thiết yếu phục vụ bảo tồn và phát huy giá trị

### 4. Phát huy giá trị gắn với sinh kế và du lịch (đối với Mức độ 2):

Xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa đặc thù;  
 .....

.....  
 .....  
 Tổ chức hoạt động trải nghiệm, trình diễn, giao lưu văn hóa;  
 .....

.....  
 .....  
 Liên kết cộng đồng với doanh nghiệp, hợp tác xã để phát triển dịch vụ  
 .....

.....  
 .....  
 Quảng bá giá trị không gian văn hóa trên môi trường số và thực tế

## **IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN**

Phương án được triển khai theo tiến độ sau:

- Giai đoạn 1 (Chuẩn bị):

*(Rà soát, hoàn thiện hồ sơ; xây dựng kế hoạch chi tiết; huy động nguồn lực; tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng).*

.....

.....

- Giai đoạn 2 (Thực hiện):

*(Tổ chức thực hiện các nội dung bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị; theo dõi, đánh giá định kỳ; điều chỉnh kịp thời theo thực tế).*

.....

.....

*Thời hạn thực hiện:*

Không quá 03 năm đối với Mức độ 1;

Không quá 02 năm đối với Mức độ 2 (đối với không gian văn hóa), kể từ ngày được phê duyệt.

#### **V. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**

Ngân sách nhà nước: (Bổ trí từ ngân sách trung ương và địa phương theo phân cấp để hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị).

.....

.....

Nguồn xã hội hóa: *(Huy động đóng góp từ tổ chức, cá nhân; liên kết giữa cộng đồng với doanh nghiệp; hợp tác công tư trong khai thác sản phẩm dịch vụ).*

.....

.....

Dự toán kinh phí chi tiết: .....

#### **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Cơ quan chủ trì: .....

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư, nghệ nhân và các tổ chức liên quan.

- Cơ chế giám sát: Thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ; đánh giá kết quả theo tiêu chí cụ thể; bảo đảm tính xác thực và hiệu quả của hoạt động bảo tồn.

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
(CẤP PHÊ DUYỆT)**

**(CHỨC VỤ)**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 09:**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh

Số: ...../BC-UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

***Hồ sơ đề nghị công nhận chủ thể văn hóa nông cốt/kế cận***

**1. Đối tượng thẩm định:**

- Họ và tên: .....
- Dân tộc: .....
- Địa chỉ cư trú: .....
- Loại hình văn hóa nắm giữ: .....

**2. Đánh giá tiêu chuẩn công nhận:**

*(Đối chiếu quy định tại Điều 8 đối với chủ thể văn hóa nông cốt hoặc Điều 9 đối với chủ thể văn hóa kế cận)*

.....  
.....

2.1. Thời gian thực hành và kinh nghiệm: .....

*(Đối với chủ thể nông cốt: có thời gian thực hành liên tục từ 05 năm trở lên; đối với chủ thể kế cận: đánh giá thông qua quá trình học tập, rèn luyện và tham gia thực hành).*

.....  
.....

2.2. Quá trình nắm giữ và kỹ năng trao truyền:

*(Đánh giá mức độ nắm vững tri thức, kỹ năng; khả năng và kết quả tham gia truyền dạy, hướng dẫn thực hành).*

.....  
.....

2.3. Kết quả hoạt động 03 năm gần nhất:

*(Đối với chủ thể nông cốt: tham gia tối thiểu 02 hoạt động/năm liên quan đến bảo tồn, thực hành và phát huy giá trị văn hóa).*

.....  
.....

2.4. Sự đồng thuận của cộng đồng:

*(Xác nhận kết quả đề cử của cộng đồng nơi cư trú thông qua cuộc họp).*

.....  
.....

2.5. Cam kết thực hiện:

*(Cam kết tiếp tục thực hành, truyền dạy và phát huy giá trị văn hóa trong thời gian tối thiểu 03 năm kể từ khi được công nhận hoặc hoàn thành chương trình).*

.....

.....

**3. Đánh giá tính đầy đủ của hồ sơ minh chứng:**

- Tư liệu hình ảnh, Video thực hành:  Có  Không.
- Tài liệu tư liệu hóa, dữ liệu số:  Có  Không.
- Các tài liệu khác (nếu có):.....

**4. Kết luận thẩm định:**

*(Kết luận rõ: Đủ điều kiện/Chưa đủ điều kiện công nhận; đề xuất công nhận chủ thể văn hóa nông cốt hoặc chủ thể văn hóa kế cận theo quy định).*

.....

.....

**NGƯỜI THẨM ĐỊNH**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**PHỤ LỤC II**  
**MẪU HỒ SƠ THEO ĐIỀU 18**

*(Kèm theo Nghị định số 2026/NĐ-CP ngày .. tháng.. năm 2026 của Chính phủ)*

<b>Mã số</b>	<b>Mẫu biểu</b>
Mẫu số 01	Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số
Mẫu số 02	Thuyết minh nội dung dự án phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số

**Mẫu số 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày ... tháng .... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Về việc hỗ trợ thực hiện dự án phục hồi, bảo tồn,**  
**phát triển văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số**

Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

Tên đại diện cộng đồng dân cư: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Căn cứ thông báo kế hoạch thực hiện hoạt động hỗ trợ bảo tồn, phát triển văn hoá của.....<sup>(1)</sup>, tôi đại diện cho nhóm cộng đồng (nêu tên thành viên của nhóm) đề nghị .....<sup>(1)</sup> hỗ trợ thực hiện dự án phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá của cộng đồng các dân tộc thiểu số với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: .....
2. Địa bàn thực hiện: .....
3. Quy mô dự án: .....
4. Tiến độ thực hiện dự kiến: .....
5. Nội dung đề nghị hỗ trợ

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ; mức hỗ trợ theo từng nội dung cụ thể thuyết minh chi tiết nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ theo từng nội dung đó)

Đề nghị hỗ trợ chi tiết các năm thực hiện dự án (nếu hỗ trợ trong nhiều năm).

6. Cam kết của nhóm cộng đồng

Chúng tôi gồm (tên cụ thể của đại diện nhóm cộng đồng và các thành viên) cam kết:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của những thông tin trên đây.

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

- Bảo đảm đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

7. Tài liệu kèm theo (*liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm*).

**ĐẠI DIỆN NHÓM CỘNG ĐỒNG**  
(Ký, ghi họ tên)

**THÀNH VIÊN THAM GIA**

**THÀNH VIÊN THỨ NHẤT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THÀNH VIÊN THỨ HAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THÀNH VIÊN THỨ .....  
(Ký, ghi rõ họ tên)**

**Ghi chú:** <sup>(1)</sup> Tên Phòng chuyên môn trực thuộc cấp xã thông báo kế hoạch thực hiện hoạt động hỗ trợ phục hồi, bảo tồn, phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số

**Mẫu số 02**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**THUYẾT MINH NỘI DUNG  
DỰ ÁN PHỤC HỒI, BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ  
TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ**

**Tên dự án: .....**

**I. THÔNG TIN VỀ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN**

1. Đại diện nhóm tổ, nhóm cộng đồng, hộ gia đình (gồm: tên người đại diện, số Căn cước công dân hoặc Căn cước, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).
2. Danh sách các thành viên tham gia (gồm: họ tên, số CCCD hoặc CC, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).

**II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN PHỤC HỒI, BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN  
VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ**

1. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số lượng cá nhân tiếp cận, thực hành, nâng cao mức hưởng thụ văn hoá, phát triển sinh kế từ sản xuất sản phẩm văn hoá....)
2. Thời gian triển khai: .....
3. Địa bàn thực hiện: .....

**III. NỘI DUNG DỰ ÁN PHỤC HỒI, BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN VĂN  
HOÁ TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ**

1. Các hoạt động của dự án: .....

(Mô tả chi tiết nội dung của dự án)

2. Nội dung đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

**IV. NGUỒN LỰC VÀ DỰ TOÁN THỰC HIỆN DỰ ÁN**

1. Tổng nguồn lực thực hiện dự án (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có).
2. Dự toán kinh phí thực hiện dự án chi tiết theo từng hoạt động của dự án  
(Kèm theo phụ lục thuyết minh chi tiết các tính toán, xác định dự toán, dự kiến nguồn vốn bố trí (ví dụ: vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, vốn vay tín dụng, vốn tự có).

## **V. DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẦU RA**

Mô tả chi tiết dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án.

## **VI. PHƯƠNG ÁN DUY TRÌ HOẠT ĐỘNG BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ (HOẶC TIÊU THỤ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VĂN HOÁ)**

Mô tả chi tiết kế hoạch duy trì hoạt động bảo tồn, phát triển văn hoá như câu lạc bộ, đội văn nghệ, tổ nhóm cộng đồng thực hành văn hoá... (hoặc kế hoạch tiêu thụ, quảng bá, phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hoá truyền thống, tạo sinh kế bền vững)

## **VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA VÀ CHẾ TÀI XỬ LÝ VI PHẠM**

1. Mô tả trách nhiệm của cơ quan, đơn vị; cộng đồng dân cư (chi tiết trách nhiệm từng thành viên tham gia).

2. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

## **VIII. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Mô tả chi tiết kế hoạch tổ chức thực hiện dự án.

## **IX. CÁC NỘI DUNG KHÁC**

Mô tả chi tiết các nội dung liên quan khác (nếu có)

## **ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

### **THÀNH VIÊN THAM GIA**

**THÀNH VIÊN THỨ NHẤT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**THÀNH VIÊN THỨ HAI**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**THÀNH VIÊN THỨ .....  
.....**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*